

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/01/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8+SAVR	7:25	16+4	0+0		16+4	0+0	
2		P7+TTC1+P4	7:25	3+9+8	0+0+0		0+7+15	0+0+0	
3		P8	9:25	22	0		22	0	
4		BK21+TD2	9:25	4+18	0+0		3+19	0+0	chuyen 1 bk21-td2
5		P2+BK15+TD5	11:25	8+9+5	0+0+0		7+10+5	0+0+0	
6		TTC2+BK5+BK4	11:25	19+1+0	0+0+0		10+0+1	0+0+0	chuyen 1 bk5-bk4
7		BK19+TD2+P7	13:45	12+9+0	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
8		PVD8+P8+TTC1	13:45	7+13+0	0+0+0		3+13+5	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P8-4ng, P7-3ng, TTC1-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: PVD8 - SAVR	CREW: VTHẮNG - CHIẾN - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/0416	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LY BĂNG	PVD8	68	1	7	5	70	77	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRỌNG LĨNH	PVD8	61	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
3	MẠNH TRƯỜNG KHOA	PVD8	67	1	6			80	YTE	Vietnamese
4	ABDUL MUTALIB BIN MORIS	PVD8	69-71	3	15			95	SYLMAX	Malaysian
5	MUHAMAD NUR AIMAN BIN BOLHI	PVD8	72-73	2	14			86	SYLMAX	Malaysian
6	ĐÌNH TÂN VINH	PVD8	48	1	6			54	PVD LOGGI	Vietnamese
7	THÂN HOANG GIANG	PVD8	47	1	5			64	PVD LOGGI	Vietnamese
8	LƯU VĂN TUẤN	PVD8	66	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN HOANG	PVD8	65	1	7			96	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI MINH HAI	PVD8	59	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THUY	PVD8	58	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN TRUNG KIẾN	PVD8						70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG HAI HA	PVD8	57	1	12			78	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG HOANG ANH	PVD8	64	1	13			96	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN GIÁP	PVD8	62-63	2	14			60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN TRẦN DUC KHANH	PVD8	60	1	6			65	GETRACO	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	SAVR	55	1	7	2	24	74	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ANH VŨ	SAVR	57	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	SAVR	63-64	2	17			69	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN HAI ĐĂNG	SAVR	56	1	5			63	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK		
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO				
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	16	1.189	19	128	5	70	16		
2	SAVR	4	282	5	41	2	24	4		
TOTAL		20	1.471	24	169	7	94	20		
WEIGHT KG			1.471		169		94			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

ĐỖ VĂN CHIẾN

3 pax (*) mang pin sạc dự phòng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P7 - TTC1 - P4	CREW: DƯƠNG - N.CƯƠNG - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/0420	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PEREKRESTOV P.V	P7	60	1	2			107	D-HANH	Russian
2	MIRSAYAPOV R.R.	P7	61	1	3			106	KH-THAC	Russian
3	BUI VAN HUY	P7						67	AN TOAN	Vietnamese
4	PHUNG HA TAI	TTC1	56-57	2	12	2	35	110	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ANH DUNG	TTC1						95	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VAN THINH	TTC1	01	1	6			71	NIPI	Vietnamese
7	NGUYEN THANH HOA	TTC1						93	NIPI	Vietnamese
8	HÔ QUANG HIỆP	TTC1	900	1	3			65	DK9	Vietnamese
9	VU HUNG TUAN	TTC1	02	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM TRUNG THUY	TTC1	55	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	48-49	2	10			88	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HUNG	TTC1	82	1	5			75	PSV	Vietnamese
13	BUI ĐỨC HẬU	P4	17	1	10	2	23	66	SO DIEN	Vietnamese
14	HƯA HUNG SON	P4	18-19	2	19	1	3	73	CO DIEN	Vietnamese
15	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	21	1	3			75	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VĂN NAM	P4	25	1	11			78	PSV	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN HẢI	P4	22	1	5			54	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN HONG	P4	24	1	6			53	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN NGHI	P4	20	1	6			71	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HOA	P4	23	1	4			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	3	280	2	5	0	0	0		
2	TTC1	9	737	9	47	2	35	7		
3	P4	8	539	9	64	3	26	15		
TOTAL		20	1.556	20	116	5	61	22		
WEIGHT KG			1.556		116		61			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

BUI HOANG DUONG

PHAN NHU CUONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: P8	CREW: VTHẮNG - CHIẾN - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/0417	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI KIEN ĐỨC	P8	68-69	2	8			88	D-HANH	Vietnamese
2	ĐINH QUANG TRUNG	P8	87	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HOANG LONG	P8	81	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ANH TRỊ	P8	73-74	2	12			60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TỬ THĂNG	P8	64	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG NGỌC ANH CHIẾN	P8	62-63	2	9			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	65	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THỂ CHINH	P8	72	1	11			59	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU MINH HÙNG	P8	80	1	3			87	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THỊ HẰNG	P8						59	NIPI	Vietnamese
11	TRẦN ĐẠI THIỆU	P8	60	1	3			94	NIPI	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN NHÂN*	P8	78-79	2	13			74	YTE	Vietnamese
13	NGÔ VĂN ĐÓN	P8	66	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN CHÂU NAM	P8	75	1	13			89	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VĂN TÂN	P8	61	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ DUY TRƯỜNG	P8	76	1	4	3	45	76	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ CHÈ LINH	P8	83	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN CÔNG TÍNH	P8	71	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN BA ĐẠT	P8	82	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LỢI	P8	77	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH VINH	P8	67	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VŨ NHẬT QUANG	P8	70	1	11			77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	22	1.595	25	144	3	45	22		
TOTAL		22	1.595	25	144	3	45	22		
WEIGHT KG			1.595		144		45			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

ĐỖ VĂN CHIẾN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO: BK21 - TD2	CREW: DUONG - N.CUONG - DTUNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/0421	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAN ĐĂNG TUẤN	BK21	66,70-71	3	17			73	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG TRỌNG PHÚC*	BK21	67-69	3	20	1	19	71	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ĐỨC DŨNG	BK21	72	1	14			86	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIỀN THUẬT	BK21	73	1	8			80	PSV	Vietnamese
5	BUI VĂN LỢI	TD2	78	1	9			77	KHOAN	Vietnamese
6	DUƠNG CHI TUYẾN	TD2	96	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
7	VĂN MINH TÂN	TD2	93	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN MINH QUÂN	TD2	97	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN PHỤ	TD2	87	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
10	CAO MINH HOANG	TD2	81	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	TD2	84	1	13	3	50	58	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ANH TÙNG	TD2	82-83	2	7			74	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG TUẤN*	TD2	88	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU TOÀN	TD2	90-91	2	13			73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	TD2	94-95	2	13			84	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	TD2	85	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI THANH LONG	TD2	77	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CÔNG NAM	TD2	80	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC AN	TD2	79	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN ĐOÀ	TD2	89	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN MINH TUẤN	TD2	92	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HUY HÙNG	TD2	86	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK21	4	310	8	59	1	19	3+		CHUYEN 1 PAX BK21-TD2
2	TD2	18	1.274	21	130	3	50	19		
TOTAL		22	1.584	29	189	4	69	22		
WEIGHT KG			1.584		189		69			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH - 3	TO: P2 - BK15 - TD5	CREW: LINH - SON - MQUÂN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/0418	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	P2	70-71	2	20			60	KHI	Vietnamese
2	LÊ VĂN DŨNG	P2	64	1	7			64	KHI	Vietnamese
3	HOANG XUÂN ĐÔNG	P2	72-73	2	9			63	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	P2	65	1	3			64	PSV	Vietnamese
5	BUI LONG HUNG	P2	74-75	2	13			68	PSV	Vietnamese
6	BUI HUU TRI	P2				1	20	58	PSV	Vietnamese
7	HOANG QUỐC LONG	P2	67-69	3	13			59	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	P2	66	1	7			74	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC HAI	BK15	30	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ XUÂN QUY	BK15	35	1	8			103	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG BẠCH	BK15	01,20	2	11			61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	BK15	29	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	28	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HOÀNG KHA	BK15	31	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LINH	BK15	34	1	11			65	DVL	Vietnamese
16	DƯƠNG MINH VIỆT	BK15	32	1	6			64	DVL	Vietnamese
17	ĐÌNH VĂN LƯU	BK15	33	1	6			53	PSV	Vietnamese
18	BẠCH ANH TUẤN	TD5	03	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VŨ HUNG	TD5	04-05	2	13			67	KH-THAC	Vietnamese
20	TÔ TIÊN DŨNG	TD5	02	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG TRUNG HẬU	TD5	01	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN XUÂN HOÀ	TD5				4	70	73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	8	510	12	72	1	20	7		
2	BK15	9	620	10	62	0	0	10		
3	TD5	5	351	5	32	4	70	5		
TOTAL		22	1.481	27	166	5	90	22		
WEIGHT KG			1.481		166		90			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGÔ VĂN LINH

PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: VÀNG-3	TO: TTC2 - BK5 - BK4	CREW: HÙNG - HTRUNG - QTRƯỜNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/0422	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ ĐỨC THÀNG	TTC2	100	1	7	3	60	80	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN THỤC	TTC2	41	1	7			52	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRƯỜNG AN	TTC2	01	1	10			86	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUÂN MINH	TTC2	42	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ NGỌC HÙNG	TTC2	42	1	8			60	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH CUÔNG	TTC2	94	1	4			77	PSV	Vietnamese
7	BUI VĂN HỘI	TTC2	97-98	2	20			50	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐỖ NGỌC TÂM	TTC2	92	1	14			90	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN PHÚC	TTC2	04	1	9	1	15	77	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ VĂN DUÂN	TTC2	93	1	14			74	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CÔNG	TTC2	73	1	18			68	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ ĐÌNH MINH	TTC2	497-498	2	16			52	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI NGỌC TUÂN	TTC2	44-45	2	16			66	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN TRUNG ĐĂNG	TTC2	40	1	19			69	XAYLAP	Vietnamese
15	LƯƠNG MINH HIỆP	TTC2	95-96	2	20			96	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ TIÊN DŨ	TTC2	02-03	2	16			66	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN NHƯ PHƯƠNG	TTC2	99,49	2	16			73	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THÀNG	TTC2	81-82	2	18			70	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ XUÂN CHÍNH	TTC2	43	1	17			64	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN ĐÌNH PHƯƠNG	BK5	20	1	13			80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC2	19	1.348	26	255	4	75	10		
2	BK5	1	80	1	13	0	0	0+	1	CHUYEN 1 PAX BK5-BK4
3	BK4	0	0	0	0	2	40	1		
TOTAL		20	1.428	27	268	6	115	11		
WEIGHT KG			1.428		268		115			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: CAM-4	TO: BK19 - TD2 - P7	CREW: LINH - SON - MQUÂN	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/0419	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN DUƠNG HỒE	BK19	63	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRUNG TUẤN	BK19	62	1	14			74	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG QUỐC VIỆN	BK19	65-66	2	9			72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN ĐỨC NGUYEN	BK19	67	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN LONG	BK19	64	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔ TIẾN TÙNG	BK19	53-54	2	20			91	CODIEN	Vietnamese
7	TRẦN ANH QUANG	BK19	52	1	13			81	CODIEN	Vietnamese
8	TRẦN TUẤN ANH	BK19	55-56	2	15			68	XAYLAP	Vietnamese
9	LÀ TUẤN LINH	BK19	58-59	2	17	5	100	67	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG QUAN*	BK19	60	1	13	2	36	90	XAYLAP	Vietnamese
11	NGÔ ANH QUỐC	BK19	61	1	16			69	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI ĐỨC KHÁNH	BK19	57	1	5			51	PSV	Vietnamese
13	TRẦN HUY THÔNG	TD2	05	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ĐÌNH HUẤN	TD2	07	1	4			49	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ TRƯỜNG DIỄN	TD2	02	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HIẾN	TD2	08	1	6			75	DVL	Vietnamese
17	TRẦN ĐẠI HÙNG	TD2	09	1	10			72	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	TD2	04	1	6			68	PSV	Vietnamese
19	ĐỖ KHÁC ĐÀ	TD2	06	1	7			64	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY KHÁNH	TD2	01	1	6			90	PSV	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC CUÔNG* (1967)	TD2	03	1	7			55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK19	12	866	16	152	7	136	0		
2	TD2	9	621	9	55	0	0	14		
3	P7	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		21	1.487	25	207	7	136	21		
WEIGHT KG			1.487		207		136			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:35
B.CARD: TRANG-4	TO: PVD8 - P8 - TTC1	CREW: HUNG - HTRUNG - QTRƯỜNG	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/0423	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN ĐỨC PHÚ	PVD8	82-83	2	13			85	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC HOÀ	PVD8	84	1	6			64	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN PHÚ CƯỜNG	PVD8	85	1	8			61	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN HUU	PVD8	79	1	7			63	GETRACO	Vietnamese
5	PHẠM THẾ DƯƠNG	PVD8	81	1	6			58	GETRACO	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC TUẤN	PVD8	80	1	6			86	GETRACO	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT HOÀ	P8	92	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NAM HUY	P8	86	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIÊN VŨ	P8	93	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ XUÂN TRUNG	P8	90	1	3			87	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG THANH TRUNG	P8	97	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TUẤN ANH	P8						71	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH VĂN NAM	P8	95	1	8			66	NAMTIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THAI	P8	96	1	9			66	NAMTIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN ĐỊNH	P8	94	1	7			70	NAMTIEN	Vietnamese
16	HÀ VĂN THIÊN	P8	89	1	6			71	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TÙNG	P8	91	1	6			79	PSV	Vietnamese
18	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P8	98	1	3			65	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN KIẾN	P8	88	1	7			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	6	417	7	46	0	0	3		
2	P8	13	917	12	76	0	0	13		
3	TTC1	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		19	1.334	19	122	0	0	21		
WEIGHT KG			1.334		122		0			

GRAND TOAL: 1.456 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG

GIẢN	VỀ	ĐĂNG KÝ CỦA ĐƠN VỊ	RA
PI/TD3			
P2	1		
PPD	30(7)	803 + 120 + 140 + 2VNL	✓ 11
P3			
P4			
P5			
TD2/P6	4	80VL	✓ 6
P7	8(8)		
P8	2		
P9/BK18A	15	503 + 9KL	✓ 14
P10	5	403 + 1106 + 1700	✓ 22
P11	2		
CTK3	31(18)	903 + 1106	✓ 10
VSP01			
VSP02			
CLI			
RP1			
RP2		103	
RP3	5		
BK3			
BK4			
BK5			
BK6			
BK8/17			
BK9	2		
BK1/10/			
BK14-23	1	103	1
TD1/BK15			
BK16			
RC13	4		
RC4	10(3)		
RC5	4		
RC6			
CNV			
RCDM			
GTC1			
TTC1			
TD5/TTC3		310	
HST/HSD			3
H1/H4/H5			
MRM			
AMD			
BK-TNG			
CLO/BK24/20	4/4		
CTC1			
TTC2			
RC10			
BK19			
BK21			
RC8			
KNI/PVD8			
KTRNSAVR	1	1400 + 400	✓ 8

CLO-PVD8
 BK9-2X
 BK9-CAL3
 1106
 BK20-14

- 1) Prop Clo + BK14 $\frac{21001}{61911}$
- 2) Prop TP2 + P8 + $\frac{14060}{151412}$
- 3) PVD8 + TP5 + CAL3 $\frac{40310}{010122}$
- 4) SAVR + PVD8 + PPD $\frac{80012}{114117}$